

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1430/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 12 - 2022

V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Bà Nguyễn Thị Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Tô Thị Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1135/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 355/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Phương Thảo T, sinh năm: 1982

Địa chỉ: 09/33 Đoàn Thị Đ, thành phố Q, tỉnh B (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lâm Thanh N, sinh năm: 1979

Địa chỉ: 09/33 Đoàn Thị D, thành phố Q, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Phương Thảo T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lâm Thanh N đăng ký kết hôn số: 168 ngày 27/11/2007 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh B, tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở nhà cha mẹ chị tại 09/33 Đoàn Thị Đ, thành phố Q hạnh phúc được thời gian 2 năm đầu thì sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N làm ăn thất bại nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và tự sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị không thể nào chung sống với anh N được nữa nên chị quyết định xin ly hôn anh N để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là: Lâm Gia K, sinh ngày: 06/01/2008. Sức khỏe cháu bình thường, hiện nay đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin nuôi cháu K. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Lâm Thanh N, Tòa đã tổng đạt thông báo hợp lệ nhưng anh N vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn anh Lâm Thanh N không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa; đồng thời đề nghị: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trang và giao con chung: Lâm Gia K, sinh ngày: 06/01/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Phương Thảo T - là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn anh Lâm Thanh N - là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Phương Thảo T và anh Lâm Thanh N là hôn nhân hợp pháp. Chị T xin ly hôn anh N vì tình cảm vợ chồng không còn là do anh N làm ăn thất bại nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và tự sống ly thân nhau. Nay chị không còn tình cảm với anh N nên chị yêu cầu được ly hôn anh N. Quá trình giải quyết vụ án anh N vắng mặt không đến Tòa làm việc. Tòa đã tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật yêu cầu anh N đến Tòa làm việc, tạo điều kiện cho anh N hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh N vắng mặt.

Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh N không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng. Do đó hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là: Lâm Gia K, sinh ngày: 06/01/2008, sức khỏe cháu bình thường và hiện nay đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Hiện nay cháu Lâm Gia K có nguyện vọng muốn ở với chị T, ăn học bình thường. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu K, do đó yêu cầu nuôi con của chị T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được HĐXX chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Phương Thảo T phải chịu 300.000đồng.

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Phương Thảo T ly hôn anh Lâm Thanh N.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung là: Lâm Gia K, sinh ngày: 06/01/2008 cho chị Nguyễn Phương Thảo T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Phương Thảo T phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai số 0004538 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương